

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO YÊN  
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2023

V/v Chia tài sản chung sau khi  
ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Quang Đại

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đinh Thị Út

2. Bà Phạm Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Mạnh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Kiểm sát viên: Bà Hoàng Thị Trinh – Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn BA, xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị đơn: Anh Doãn Văn T - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn BA, xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai –Vắng mặt (đã được thông báo hợp lệ, nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Doãn Văn Đ – Sinh năm 1959, bà Nguyễn Thị L – Sinh năm 1963;

Địa chỉ thôn BĐ, xã VH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội – Vắng mặt- không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày:

Bản án số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên đã xử cho chị Triệu Thị N được ly hôn anh Doãn Văn T và giải quyết việc nuôi con chung. Các đương sự không yêu cầu chia tài sản chung. Nay chị N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung như sau:

01 ngôi nhà xây cấp 4 và các công trình phụ trị giá 260.000.000 đồng; 01 xe mô tô RSX trị giá 21.000.000 đồng, 50 cây gỗ xưa trị giá 40.000.000 đồng, 9.000 cây quế trị giá 100.000.000 đồng, 500 cây trầu trị giá 60.000.000 đồng Tổng trị giá tài sản là 481.000.000 đồng. Chị N yêu cầu Tòa án buộc anh Doãn Văn T phải chia tài sản chung cho chị quy thành tiền mặt là 200.000.000 đồng.

Trong bản tự khai của bị đơn anh Doãn Văn T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L các đương sự nhất trí với chị N về việc anh chị đã được Tòa án giải quyết ly hôn. Về tài sản anh T và chị N kết hôn không có tài sản gì. Thời điểm anh T và chị N xây nhà ông Đ và bà L đã chuyển về thành phố Hà Nội sinh sống tiền xây nhà, bếp và các công trình phụ khác, tiền mua cây giống quế, xưa, trầu ... là tiền ông Đ, bà L gửi về. Các tài sản khác cũng là tài sản của ông Đ bà L. Về giá trị nhà, bếp trị giá khoảng 133.000.000 đồng, 400 cây trầu và 2.500 cây quế trị giá 50.000.000 đồng, Nay chị N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung anh T, ông Đ và bà L không nhất trí chia tài sản cho chị N.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị N, chị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện rút yêu cầu chia xe mô tô Wve RS.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Hội đồng định giá tài sản đã tiến hành làm việc tại nơi có tài sản tranh chấp (nhà anh T). Anh T đã không chấp hành và có hành vi cản trở các cán bộ làm việc. Vì vậy, Tòa án và Hội đồng định giá tài sản đã phối hợp cùng UBND xã KS lập viên bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kết hợp với lời khai của nguyên đơn. Xác định số tài sản, diện tích đất trồng cây... để làm căn cứ định giá tài sản.

Tại biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản đã định giá như sau:

- Nhà xây cấp 4 trị giá 290.634.400 đồng; Bếp xây cấp 4 trị giá 129.927.400 đồng; Nhà tắm, nhà vệ sinh trị giá 9.295.000 đồng; Quế D4 là 9000 cây trị giá 125.100.000 đồng; Gỗ sưa D15 là 50 cây trị giá 1.665.000 đồng; Trầu D15 là 500 cây trị giá 46.800.000 đồng. Tổng cộng các loại tài sản là 603.421.800 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị: Áp dụng các 28, 33, 37, 59 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147, 157, 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị N.

Tài sản được chia như sau:

- Tổng giá trị ngôi nhà xây cấp 4, nhà bếp và công trình phụ theo biên bản của Hội đồng định giá là 429.856.800đ : 2 = 214.928.400đ, chị N anh T mỗi người được hưởng 214.928.400đ;

- Về giá trị cây cối, hoa màu theo biên bản định giá tài sản là 173.565.000đ : 2 = 86.782.500đ (mỗi người được hưởng 86.782.500đ).

Tổng cộng giá trị tài sản chung chị N anh T mỗi người được hưởng là 301.710.900đ.

Giao cho ông Doãn Văn Đ bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và các loại cây quế, cây trầu, cây sưa còn nhỏ chưa đến tuổi khai thác tại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H000566 do UBND huyện Bảo Yên cấp ngày 11/6/2008 mang tên hộ ông Doãn Mạnh Đ bà Nguyễn Thị L và số H00551 do UBND huyện Bảo Yên cấp ngày 16/5/2008 mang tên hộ ông Doãn Mạnh Đ bà Nguyễn Thị L.

Ông Đ bà L có trách nhiệm T toán giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cho anh T, chị N mỗi người 301.710.900đ.

Về án phí, chi phí tố tụng: các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc chia tài sản sau khi ly hôn. Anh T cư trú trên địa bàn huyện Bảo Yên. Vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là: “Yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị N: Chị Triệu Thị N đăng ký kết hôn với anh Doãn Văn T vào ngày 07 tháng 5 năm 2013 sau khi đăng ký kết hôn chị N về gia đình nhà chồng chung sống cùng anh T và bố mẹ chồng là ông Doãn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L. Cũng trong năm 2013 ông Đ và bà L chuyển về huyện Phúc Thọ thành phố Hà Nội sinh sống. Sau khi ông Đ bà L chuyển về Hà Nội anh T và chị N đã xây 01 nhà, bếp và các công trình phụ khác trên 400 m2

đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 69 và trồng cây trên các thửa đất nông nghiệp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 210371 và AK333176 UBND huyện Bảo Yên cấp Quyền sử dụng cho ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L năm 2008. Tổng cộng các loại tài sản trên phát sinh sau khi ông Đ và bà L chuyển về Hà Nội là 603.421.800 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 04/8/2023. Ngày 10 tháng 3 năm 2023 anh T chị N ly hôn theo bản án số 08/2023/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên. Nay chị N khởi kiện yêu cầu anh T chia tài sản chung sau khi ly hôn là có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T, ông Đ, bà L cùng khai năm 2013 ông Đ và bà L chuyển về Hà nội sinh sống, cũng trong năm 2013 anh T và chị N xây nhà và trồng cây ông Đ và bà L đã chuyển tiền lên cho anh T và chị N 133.000.000 đồng để xây nhà; Anh T và chị N trồng cây ông Đ đã chuyển tiền cây giống cho anh T chị N 50.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo thu thập chứng cứ đối với ông Đ, bà L và anh T yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ về việc ông Đ, bà L đã gửi số tiền trên cho anh T và chị N để xây nhà và mua giống cây nhưng các đương sự không cung cấp được chứng cứ. Vì vậy, đã có đủ cơ sở xác định rằng tổng số tài sản trên là tài sản của anh T và chị N lao động sản xuất sau khi ông Đ và bà L chuyển về thành phố Hà Nội. Về công sức tạo ra khối tài sản: Trong quá trình giải quyết các đương sự đều không cung cấp được chứng cứ có công sức tạo dựng nhiều hơn.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu được chi  $\frac{1}{2}$  số tài sản chung giữa anh T và chị N theo kết quả định giá tài sản. Xét thấy yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận chia tài sản cho chị Triệu Thị N và anh Doãn Văn T mỗi người  $\frac{1}{2}$  trong khối tài sản chung là phù hợp.

Các tài sản nhà, bếp, các công trình vệ sinh là tài sản gắn liền với đất, các loại cây trồng trên đất chưa đến thời kỳ thu hoạch. Đất đã được cấp cho ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L. Cần giao quyền sở hữu các tài sản trên đất cho ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L, buộc Ông Đ và bà L phải T toán tiền tài sản trên đất cho anh T và chị N là phù hợp.

Đối với quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của ông Doãn Văn Đ Đ, bà Nguyễn Thị L. Trong quá trình giải quyết ông Đ và bà L không có yêu cầu về hoa lợi trên đất nên không đề cập giải quyết.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị N nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, xét thấy là tự nguyện của chị N, không bị ép buộc, không trái đạo Đ xã hội nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng; Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 157 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### 1. Về tài sản chung:

Giao cho ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L quyền sở hữu: Nhà xây cấp 4 trị giá 290.634.400 đồng; Bếp xây cấp 4 trị giá 129.634.400 đồng; 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh trị giá 9.295.000 đồng trên 400 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn tại thửa số 01, tờ bản đồ số 69 và 9.000 cây quế D4 trị giá 125.100.000 đồng; 50 cây gỗ sưa D15 1.665.000 đồng; 500 cây trầu D15 46.800.000 đồng. Trên các thửa đất nông nghiệp số 35, 46, 47, 50 tờ bản đồ số 54, thửa số 01 tờ bản đồ số 69 ông Doãn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L Được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 210371 và AK333176 năm 2008. Vị trí đất tại thôn BA, xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ông Doãn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ T toán tiền tài sản cho chị Triệu Thị N là 301.710.900 đồng (Ba trăm linh một triệu bảy trăm mười nghìn chín trăm đồng), T toán tiền tài sản cho anh Doãn Văn T số tiền 301.710.900 đồng (Ba trăm linh một triệu bảy trăm mười nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí thẩm định xem xét tại chỗ và định giá tài sản: Chị Triệu Thị N nhận chịu 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền thẩm định xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu án phí chia tài sản là 15.085.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng. Chị N còn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.085.000 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Anh Doãn Văn T phải chịu án phí chia tài sản là 15.085.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Tiến;
- Lưu: Hsơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Vũ Quang Đại**

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Út - Phạm Thị Dung

Vũ Quang Đại



